TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 513/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Danh;

2. Ông Huỳnh Thanh Phong.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 750/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 795/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ly K, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 08, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Phước D, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 14, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa hôm nay tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Trần Thị Ly K trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà và ông D là do tự tìm hiểu, được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Sau đó, bà Kha chuyển về sinh sống ở nhà mẹ ruột tại Tổ 08, ấp V, xã V, huyện C, An Giang. bà và ông D đã không còn sống chung từ đầu năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Phước D.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông D.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông D theo quy định nhưng ông D vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà K, ông D để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo biên bản xác minh tại Công an xã V ngày 26/10/2022 xác định ông D vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại tổ 14, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang theo sổ hộ khẩu số 30361 – 001119 chủ hộ Dương Thị B.

Tại phiên tòa, bà K vắng mặt có đơn; riêng ông D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà K chung sống với ông D đến năm 2019 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông D hiện đang cư trú tại xã V, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ly K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà K và ông D tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào năm 2013 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà K vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông D. Tại phiên hòa giải bà K yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay bà K vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông D. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà K và ông D từ năm 2019 đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên đã lên tiếng nhưng ông bà vẫn không quay lại chung sống. Bà K cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, bà và ông D ly thân nhau, gia đình không hàn hắn để ông bà tự giải quyết

Trong quá trình tố tụng, ông D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã biết nội dung vụ án; ngoài ra, ông cũng đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia các phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà phía bà K cung cấp. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy việc bà K trình bày là có cơ sở nên Hội đồng

xét xử nhận định mâu thuẫn giữa bà K và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà K là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông bà không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà K là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ly K.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ly K được ly hôn với ông Phạm Phước D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 40 ngày 22/03/2013 của Ủy ban nhân dân V, huyện A, tỉnh An Giang mang tên bà Trần Thị Ly K và ông Phạm Phước D không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Ly K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007143 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà K đã nộp đủ.

Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/12/2022), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thảo Ngân

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG (1);*
- *VKS tỉnh AG (1);*
- *VKS huyện AP (2);*
- *THADS huyện AP (1);*
- *UBND xã nơi ĐKKH (1);*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu VP (1);*
- *Lưu HS (1).*